Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Chương: 426

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Chi cục Bảo vệ môi trường công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2019 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**1.630,00**	**1.372,57**	**84,21**	**102,03**
2	**Phí:**	**1.630,00**	**1.372,57**	**84,21**	**102,03**
2.1	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	*330,00*	*308,47*	*93,48*	*81,00*
2.2	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	*1.300,00*	*1.064,10*	*81,85*	*111,03*
2.3	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường	*0,00*	*0,00*		*0,00*
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)**	**1.382,00**	**1.043,19**	**75,48**	**281,25**
2.1	**Chi quản lý hành chính**	**1.382,00**	**1.043,19**	**75,48**	**122,09**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.382,00	1.043,19	75,48	122,09
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	82,00	133,31	162,57	184,05
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	1.300,00	906,58	69,74	116,24
	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường	0,00	3,30		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**248,00**	**231,35**	**93,29**	**81,00**
2	**Phí**	**248,00**	**231,35**	**93,29**	**81,00**
3.1.1	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	248,00	231,35	93,29	81,00
3.1.2	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	0,00	0,00	0,00	0,00

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.1.3	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường	0,00	0,00	0,00	0,00
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**3.782,91**	**3.252,77**	**85,99**	**105,77**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**3.782,91**	**3.252,77**	**85,99**	**105,77**
1	**Chi quản lý hành chính**	**1.979,91**	**1.789,71**	**90,39**	**98,99**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.887,91	1.700,00	90,05	101,44
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	92,00	89,71	97,51	67,93
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi hoạt động kinh tế**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**1.803,00**	**1.463,06**	**81,15**	**161,60**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.803,00	1.463,06	81,15	161,60
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Ngày 26 tháng 1 năm 2021

Kế toán

Đinh Thị Minh Trang

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Việt Cường